

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu

TVH - 50 - 2024

Vùng biển: Tỉnh Trà Vinh.

Tên luồng: Luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ TTLSH_2412_01 đến TTLSH_2412_12 tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 12/2024 và các tài liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”.

1. Đoạn 1 – Đoạn luồng biển: Từ phao BHHH số “0” đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu BHHH số “9”, “12”), chiều dài 7,7 km:

1.1. Đoạn từ phao BHHH số “0” đến hạ lưu cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m, chiều rộng đáy luồng 150 m, chiều dài 6,5 km.

- Đoạn từ phao BHHH số “0” đến cặp phao BHHH số “1”, “2” + 380 m, chiều dài khoảng 1,7 km, độ sâu đạt 6,5 m.

- Đoạn từ cặp phao BHHH số “1”, “2” + 380 m đến cặp phao BHHH số “3”, “4” + 180 m, chiều dài khoảng 1,1 km, độ sâu đạt 6,0 m.

- Đoạn từ cặp phao BHHH số “3”, “4” + 180 m đến phao BHHH số “6” + 240 m, chiều dài khoảng 1,4 km, độ sâu đạt 5,4 m, độ sâu tại tim luồng đạt 6,3 m.

- Đoạn từ cặp phao BHHH số “6” + 240 m đến phao BHHH số “8” - 240 m, chiều dài khoảng 750 m, độ sâu đạt 6,0 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “8” - 240 m đến cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m, chiều dài khoảng 1,55 km: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 5,5 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 150 m, độ sâu đạt 2,2 m nằm sát biên phải luồng.

1.2. Đoạn từ cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m đến cặp đăng tiêu số “9”, “12”, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, chiều dài khoảng 1,2 km.

- Đoạn từ cặp phao BHHH số “7”, “10” - 200 m đến cặp phao BHHH số “7”, “10” + 200 m, chiều dài khoảng 400 m: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 5,6 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, độ sâu đạt 2,7 m nằm sát biên trái luồng.



- Đoạn từ cặp phao BHHH số “7”, “10” + 200 m đến cặp đăng tiêu BHHH số “9”, “12”, chiều dài khoảng 800 m: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 6,5 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, độ sâu đạt 3,4 m nằm sát biên trái luồng.

2. Đoạn 2 – Đoạn luồng kênh Tắt: Từ đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu số “9”, “12”) đến ngã ba kênh Quan Chánh Bồ - kênh Tắt, chiều dài 8,7 km:

- Đoạn từ đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu BHHH số “9”, “12”) đến đăng tiêu BHHH số “22” – 420 m, chiều dài khoảng 7,8 km: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 6,5 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, độ sâu đạt 5,0 m nằm sát biên phải luồng.

- Đoạn từ đăng tiêu BHHH số “22” – 420 m đến ngã ba kênh Quan Chánh Bồ - kênh Tắt, chiều dài khoảng 900 m: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 6,4 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, độ sâu đạt 0,3 m nằm sát biên trái luồng.

3. Đoạn 3 – Đoạn luồng kênh Quan Chánh Bồ: Từ ngã ba kênh Quan Chánh Bồ - kênh Tắt đến ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bồ (khu vực phao BHHH số “58”), chiều dài khoảng 20,0 km:

- Đoạn từ ngã ba kênh Quan Chánh Bồ - kênh Tắt đến phao BHHH số “26” + 520 m, chiều dài khoảng 1,9 km, trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 5,9 m nằm sát biên trái luồng; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 5,9 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “26” + 520 m đến phao BHHH số “30”, chiều dài khoảng 1,4 km: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 5,4 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 5,0 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “30” đến cặp đăng tiêu BHHH số “31”, “36” + 250 m, chiều dài khoảng 5,5 km: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 5,0 m, độ sâu tại tim luồng đạt 5,4 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 4,6 m.

- Đoạn từ phao BHHH cặp đăng tiêu BHHH số “31”, “36” + 250 m đến cặp đăng tiêu BHHH số “33”, “40” + 580 m, chiều dài khoảng 2,4 km: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 5,9 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 5,6 m.

- Đoạn từ cặp đăng tiêu BHHH số “33”, “40” + 580 m đến cặp đăng tiêu BHHH số “41”, “48”, chiều dài khoảng 4,3 km:

+ Trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m, xuất hiện điểm độ sâu 5,7 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
5,7	9 ⁰ 37’22,4” N	106 ⁰ 20’33,3” E	9 ⁰ 37’18,7” N	106 ⁰ 20’39,8” E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
5,7	9 ⁰ 37'21,9" N	106 ⁰ 20'30,9" E	9 ⁰ 37'18,3" N	106 ⁰ 20'37,4" E

+ Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 6,0 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 5,7 m.

- Đoạn từ cặp đăng tiêu BHHH số “41”, “48” đến cặp đăng tiêu số “45”, “50”, chiều dài khoảng 1,8 km: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 6,0 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 5,6 m.

- Đoạn từ cặp đăng tiêu số “45”, “50” đến phao BHHH số “47”, chiều dài khoảng 1,5 km: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 5,4 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 5,0 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “47” đến phao BHHH số “51”, chiều dài khoảng 550 m: trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 6,0 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 5,0 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “51” đến ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “58”), chiều dài khoảng 650 m:

+ Trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m, xuất hiện điểm độ sâu 5,0 m; 4,5 m; 5,7 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
5,0	9 ⁰ 36'42,3" N	106 ⁰ 17'05,8" E	9 ⁰ 36'38,6" N	106 ⁰ 17'12,2" E
4,5	9 ⁰ 36'41,0" N	106 ⁰ 17'02,4" E	9 ⁰ 36'37,3" N	106 ⁰ 17'08,8" E
5,7	9 ⁰ 36'40,8" N	106 ⁰ 17'01,0" E	9 ⁰ 36'37,2" N	106 ⁰ 17'07,4" E

+ Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 70 m (tính từ tim luồng ra mỗi bên 35 m), độ sâu đạt 6,0 m; trong phạm vi chiều rộng đáy luồng 85 m, độ sâu đạt 0,5 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 6,3 m.

4. Đoạn 4 – Đoạn luồng sông Hậu: Từ ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “58”) đến thượng lưu cặp phao BHHH số “76”, “69” (khu vực giao với luồng hàng hải Định An – Sông Hậu), chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 95 m, chiều dài khoảng 16,2 km:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng, kéo dài từ phao BHHH số “58” đến phao BHHH số “58” + 130 m, chiều dài khoảng 130 m, lún luồng xa nhất 40 m, độ sâu đạt 3,6 m.

- Xuất hiện điểm độ sâu 6,2 m; 6,3 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
6,3	9 ⁰ 37'50,0" N	106 ⁰ 14'45,8" E	9 ⁰ 37'46,3" N	106 ⁰ 14'52,3" E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
6,2	9 ⁰ 37'50,4" N	106 ⁰ 14'46,1" E	9 ⁰ 37'46,8" N	106 ⁰ 14'52,6" E

Ngoài các dải, điểm độ sâu nên trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,5 m.

5. Khu nước tránh tàu: Gồm 02 khu nước tránh tàu thuộc khu vực đoạn 3 – Đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó.

- Khu nước tránh tàu 1: Tại phía phải luồng, khu vực cặp đăng tiêu BHHH số “19”, “24”, chiều rộng khu nước 50 m, chiều dài khu nước 600 m, độ sâu đạt 4,4 m.

- Khu nước tránh tàu 2: Tại phía phải luồng, khu vực từ cặp đăng tiêu BHHH số “33”, “40” đến cặp đăng tiêu BHHH số “35”, “42”, chiều rộng khu nước 50 m, chiều dài khu nước 600 m, độ sâu đạt 1,1 m nằm sát biên phải khu tránh tàu.

6. Chướng ngại vật trên luồng: Xuất hiện rải rác đáy cá di động trên đoạn luồng từ ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt đến phao BHHH số “29”.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trên Luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu cần chú thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống BHHH dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các điểm độ sâu, dải độ sâu, chướng ngại vật tại các khu vực nêu trên và tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- CN Cty TNHH MTV HTHH miền Nam – Hoa tiêu V;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Năng}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chỉ Cục Đường thủy nội địa khu vực III
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 17 Trường Cao đẳng hàng hải II
- 18 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 19 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 20 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 21 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 22 Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh
- 23 Sở GTVT tỉnh Trà Vinh
- 24 Sở NN&PTNT tỉnh Trà Vinh
- 25 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 27 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 29 Cty CP Dịch Vụ Và Vận Tải Biển Vũng Tàu





583138.3



Trích từ bình đồ đồ sấu kỹ hiệu TTLSH 2412_04, tỷ lệ 1/5.000

